



Số/ No: 556/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 11/04/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH TM-DV CƠ ĐIỆN AN THÀNH
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện – ETSC
3. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Máy hàn que điện tử Welding machine
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Thiết bị/ 01 Equipment
5. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	TN/QT-C; QCVN 3:2011; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN 6362:2010; 11 TCN-18-2006; TCVN7447-6: 2011 (IEC 60364).
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	10/04/2025
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: HK200A Số chế tạo/ Serial No: 98915AHE003 Năm sản xuất/ Date of manufacture: 2023 Nhà sản xuất/ Manufacture: HONG KY Công suất định mức/ Rated power: 5.7kVA Điện áp định mức/ Rated voltage: 1P – 220V Dòng điện đầu ra/ Out curren: 200A Tần số/ Frequence: 50 Hz
8. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment	- MI2892, Kyoritsu 3125A, Fluke 355, Camera ảnh nhiệt UNI-T UTi260B.
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) ° C ; (60 ± 5) % RH
10. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	315/25/ETSC
12. Kết luận Conclusion	Máy hàn điện nêu trên đạt yêu cầu kỹ thuật/ The above electric welding machine meets technical requirements..
Người Thực Hiện Executor Nguyễn Đức Tiến Luyện GIÁM ĐỐC Director Nguyễn Quốc Hoàn	





Số/Order: 156/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 11/04/2025 Trang/ Page: 2/2
----------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Đối tượng kiểm tra Checking object	Kết quả đo Measurement results (MΩ)	Đánh giá Assess
Nhãn mác/ Label	Rõ ràng/ Clearly	Đạt/ Pass
Kiểm tra lắp đặt/ Check installation	Chắc chắn/ Sure	Đạt/ Pass
Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
Bề mặt cách điện/ Insulation surface	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass

10.2 Điện trở cách điện (R_{cd})/ Insulation Test (MΩ): Điện áp thử/ Voltage test: 500 VDC

Đối tượng đo The object of measurement	Mức tiêu chuẩn Standard level (MΩ)	Kết quả đo Measurement results (MΩ)			Đánh giá Assess
		15''	60''	K _{ht}	
Phase L - (N+Vỏ)	≥ 2	550	770	1,40	Đạt/ Pass
Phase L - N	≥ 2	460	650	1,41	Đạt/ Pass
Phase N - Vỏ	≥ 2	430	650	1,51	Đạt/ Pass

10.3 Kiểm tra vận hành/ Operational test:

Stt No	Thời gian thử Time test	Tình trạng hoạt động Operated situation		Kết quả Results
		Điện áp Voltage	Tần số Frequency	
1	01 min	220 VAC	50,1 Hz	Thiết bị hoạt động bình thường/ The device is operating normally.